



Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 7

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

**1 Nhận dạng hóa chất / chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc**

- Thông tin sản phẩm
- Tên thương mại: **AQUAFIN-1K**
- Mã sản phẩm: 204248
- Mục đích sử dụng hóa chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng  
Không có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất / hỗn hợp Chất cô đặc
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:  
SCHOMBURG GmbH  
Aquafinstr. 2-8  
D-32760 Detmold  
Đức  
-----  
ĐT: ++49 (0)5231/953-00  
Fax: ++49 (0)5231/953-123  
email: info@schomburg.de  
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:  
Phòng an toàn sản phẩm  
  
ĐT: ++49 (0)5231/953-193  
Fax: ++49 (0)5231/953-106  
email: guido.herfort@schomburg.de

**2 Nhận biết nguy hiểm**

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008



GHS05 ăn mòn

Eye Dam. 1 H318 Gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.



GHS07

Skin Irrit. 2 H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens. 1 H317 Có thể gây dị ứng da

STOT SE 3 H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp

- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC



Xi; Kích ứng

R37/38-41: Gây kích ứng hệ hô hấp và da. Có nguy cơ gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

- Hệ thống phân loại:

- Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.

**Thành phần nhãn**

- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008  
Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo quy định CLP.
- Biểu tượng nguy hiểm GHS05, GHS07
- Từ báo hiệu Nguy hiểm
- Các thành phần cảnh báo nguy hiểm ghi trên nhãn:  
Xi mắg, xi mắg poclan, hóa chất

(Xem tiếp ở trang 2)

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**  
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 7

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

**Tên thương mại: AQUAFIN-1K**

(Tiếp theo trang 1)

- **Cảnh báo nguy hiểm**
  - H315 Gây kích ứng da.
  - H318 Gây nguy hại nghiêm trọng cho mắt.
  - H317 Có thể gây dị ứng da.
  - H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- **Biện pháp phòng ngừa**
  - P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/bụi nước.
  - P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/đeo thiết bị bảo vệ mắt/thiết bị bảo vệ mặt.
  - P305+P351 NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và để +P338 tháo. Tiếp tục rửa sạch.
  - P321 Điều trị cụ thể (xem trên nhãn này).
  - P405 Bảo quản tại khu vực được khóa an toàn.
  - P501 Tiêu hủy các thành phần/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
- **Các nguy hiểm khác**
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.

### 3 Thành phần/thông tin về các phụ liệu

- **Đặc tính hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả:** Sản phẩm gốc xi măng và bột khoáng.
- **Các thành phần nguy hiểm:**

CAS: 65997-15-1	Xi măng, xi măng poclan, hóa chất	25-50%
EINECS: 266-043-4	Xi R37/38-41; Xi R43	
	Eye Dam. 1, H318; Skin Irrit. 2, H315; Skin Sens. 1, H317; STOT SE 3, H335	

#### Thông tin bổ sung

Hàm lượng cromat trong xi măng dưới 2 ppm nên không áp dụng đánh giá theo cụm từ số 43 liên quan.

### 4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí trong lành hay cho thở ôxy; liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa ngay bằng nước và xà phòng và rửa thật kỹ.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt**

Giữ mắt mở và rửa mắt liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy. Nếu triệu chứng kéo dài, hỏi ý kiến bác sĩ.
- **Sau khi nuốt phải** Uống nhiều nước và hít thở không khí trong lành. Liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
- **Thông tin dành cho bác sĩ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**

Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**

Không có thông tin liên quan.

### 5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.  
Sản phẩm không cháy.
- **Vì lý do an toàn, các chất chữa cháy không phù hợp** Không sử dụng vòi phun nước.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.

(Xem tiếp ở trang 3)

Tên thương mại: **AQUAFIN-1K**

(Tiếp theo trang 2)

- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).

## 6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**  
Tránh tiếp xúc với mắt và da.  
Mặc quần áo bảo hộ.
- **Bảo vệ môi trường:** Ngăn không cho vật liệu chảy vào hệ thống thoát nước, hồ và hầm.
- **Các phương pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**  
Thu gom sản phẩm bằng máy chuyên dụng, tránh hình thành bụi.
- **Tham khảo các mục khác**  
Xem Phần 8 để biết thêm thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.

## 7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**  
Để tránh xa tầm tay trẻ em.  
Ngăn ngừa hình thành bụi.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không cần biện pháp đặc biệt nào
- **Điều kiện cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:**  
Tránh ẩm và nước.  
Bảo quản nơi thoáng mát.
- **Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**  
Vui lòng tuân thủ quy tắc của Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện bảo quản:** Đóng chặt nắp thùng chứa.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

## 8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**  
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.  
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.
- **Thông số kiểm soát**
- **Các thành phần có giá trị tới hạn cần phải được giám sát tại nơi làm việc:**  
**65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất (25-50%)**  
WEL Giá trị dài hạn:  $10 \cdot 4^{**} \text{ mg/m}^3$   
\*bụi có thể hít phải \*\* bụi có thể hít phải
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**  
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.  
Để xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn.  
Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn.  
Làm sạch quần áo nhiễm bẩn bằng máy hút bụi. Không được thổi hoặc chải quần áo nhiễm bẩn.  
Tránh tiếp xúc với mắt và da.  
Vệ sinh da sau khi làm việc và trước khi nghỉ.
- **Thiết bị thở:** Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp khi có bụi.
- **Bảo vệ tay:** Bảo vệ tay: Găng tay cao su nitril-latec.

(Xem tiếp ở trang 4)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 7

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-1K**

(Tiếp theo trang 3)

· **Chất liệu găng**

Việc lựa chọn găng tay phù hợp, không chỉ phụ thuộc vào chất liệu, mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất. Vì là chế phẩm được làm từ vài hợp chất khác nhau nên độ bền của vật liệu làm găng không thể tính toán trước, và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.

· **Thời gian thấm của vật liệu làm găng**

Thời gian mòn thủng chính xác của găng phải do nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi

· **Bảo vệ mắt:** Kính bảo hộ.

· **Bảo vệ cơ thể:** Quần áo bảo hộ lao động.

**9 Đặc tính lý, hóa của hóa chất**

· **Thông tin về đặc tính lý hóa cơ bản**

· **Thông tin chung**

· **Tính chất vật lý:**

**Dạng:** Bột  
**Màu sắc:** Theo đặc điểm sản phẩm  
**Mùi:** Nhẹ, đặc trưng

· **Thay đổi trong điều kiện**

**Điểm tan chảy/Khoảng tan chảy:** Không xác định

**Điểm sôi/Khoảng sôi:** Không xác định

· **Điểm bùng cháy:** Không áp dụng

· **Khả năng tự cháy:** Sản phẩm không tự cháy.

· **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không gây nổ.

· **Tỷ trọng** Không xác định

· **Tỷ trọng biểu kiến:** 1.368 kg/dm<sup>3</sup>

**Độ hòa tan/Khả năng hòa lẫn với**

**Nước:** Tan hoàn toàn

· **Thông tin khác** Không có thông tin liên quan.

**10 Độ ổn định và Hoạt tính**

· **Hoạt tính**

· **Độ ổn định hóa học**

· **Phân hủy do nhiệt / điều kiện cần tránh:**

Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.

· **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến

· **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.

· **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.

· **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được biết đến

**11 Thông tin về độc tính**

· **Thông tin về ảnh hưởng độc hại**

· **Độc cấp tính:**

· **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:** Không có dữ liệu.

· **Ảnh hưởng kích ứng chính:**

· **trên da:** Gây kích ứng da và màng nhầy.

· **trên mắt:** Gây kích ứng mắt.

· **Mẫn cảm:** Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 7

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

**Tên thương mại: AQUAFIN-1K**

(Tiếp theo trang 4)

**· Thông tin độc tính bổ sung:**

Theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các chế phẩm của EC, phiên bản mới nhất, sản phẩm có các mối nguy hiểm sau đây:  
Kích ứng

**12 Thông tin sinh thái**

- **Độc tính**
- **Độc tính với môi trường thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường :**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái khác:**
- **Lưu ý chung:** Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

**13 Những lưu ý khi tiêu hủy**

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**  
Không được tiêu hủy chung với rác thải sinh hoạt. Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước.
- **Danh mục chất thải Châu Âu**
- 10 00 00 CHẤT THẢI TỪ QUÁ TRÌNH NHIỆT
- 10 12 00 Chất thải từ sản xuất hàng gốm sứ, gạch, ngói và các sản phẩm xây dựng
- 10 12 03 hạt và bụi
- 17 00 00 RÁC THẢI XÂY DỰNG (GỒM ĐẤT ĐƯỢC ĐÀO Ở CÁC KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM)
- 17 01 00 bê tông, gạch, ngói và gốm sứ
- 17 01 01 bê tông
- **Bao bì chưa làm sạch:**
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo các quy định chính thức.
- **Chất tẩy rửa khuyến nghị:** Nước, sử dụng thêm chất tẩy rửa nếu cần thiết.

**14 Thông tin về vận chuyển**

- |  |                    |
|--|--------------------|
| · <b>Mã LHQ (UN)</b>                         |                    |
| · <b>ADR</b>                                 | Không có thông tin |
| · <b>Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ</b> |                    |
| · <b>ADR</b>                                 | Không có thông tin |
| · <b>Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển</b>  |                    |
| · <b>ADR</b>                                 |                    |
| · <b>Phân loại</b>                           | Không có thông tin |
| · <b>Nhóm đóng gói</b>                       |                    |
| · <b>ADR</b>                                 | Không có thông tin |
| · <b>Nguy hiểm cho môi trường:</b>           | Không áp dụng.     |

(Xem tiếp ở trang 6)

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**

theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 7

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-1K**

(Tiếp theo trang 5)

- |   |  |
|---|--|
| · <b>Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng</b>                        | Không áp dụng.                                     |
| · <b>Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và quy tắc IBC</b> | Không áp dụng.                                     |
| · <b>Vận chuyển/Thông tin bổ sung:</b>  | Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật ở trên. |

**15 Thông tin pháp luật**

- **Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với chất hay hỗn hợp**
- **Các quy định quốc gia**
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**  
Nguy hiểm nhóm 1 về cho môi trường nước (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước  
Phân loại theo hướng dẫn của Đức.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa thực hiện thẩm định an toàn hóa chất.

**16 Thông tin khác**

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

· **Nhóm/Cụm từ liên quan**

- H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây dị ứng da.  
H318 Gây hại nghiêm trọng cho mắt.  
H335 Gây kích ứng đường hô hấp.

- R37/38 Gây kích ứng hệ hô hấp và da.  
R41 Nguy cơ gây hại nghiêm trọng cho mắt.  
R43 Gây mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.

· **Phòng phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường.· **Người liên hệ:** Ông Guido Herfort· **Các cụm từ viết tắt:**

- ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy định vận tải đường bộ Châu Âu đối với Hàng Hóa Nguy Hiểm)  
GHS: Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất  
EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu  
ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Châu Âu  
CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)  
LC50: Nồng độ gây tử vong, 50%  
LD50: Liều lượng gây tử vong, 50%  
Skin Irrit. 2 : Ăn mòn/kích ứng da, Phân loại nguy hiểm nhóm 2  
Eye Dam. 1 : Gây nguy hại nghiêm trọng cho mắt/kích ứng mắt, Phân loại nguy hiểm nhóm 1  
Skin Sens. 1 : Mẫn cảm - Da, Phân loại nguy hiểm nhóm 1  
STOT SE 3: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn, Phân loại nguy hiểm nhóm 3

· **\* Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB